

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thủy lợi trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 178/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Tổng cục Thủy lợi là cơ quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý nhà nước và thực thi nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy lợi; quản lý, chỉ đạo các hoạt động dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục.

2. Tổng cục Thủy lợi có tư cách pháp nhân, con dấu hình Quốc huy, tài khoản riêng, kinh phí hoạt động do ngân sách nhà nước cấp, trụ sở tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo thẩm quyền hoặc đề Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

a) Dự án luật, dự thảo nghị quyết của Quốc hội; dự án pháp lệnh, dự thảo nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; dự thảo nghị định của Chính phủ, dự thảo quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thủy lợi;

b) Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, năm năm, hàng năm, chương trình, dự án, đề án và công trình quan trọng quốc gia về thủy lợi;

c) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy trình chuyên môn, nghiệp vụ, quy phạm kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành thủy lợi.

2. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiêu chuẩn quốc gia để đề nghị cơ quan có thẩm quyền thẩm định, công bố.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về thủy lợi sau khi được phê duyệt hoặc ban hành.

5. Ban hành văn bản hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ, văn bản quy phạm nội bộ, văn bản cá biệt thuộc phạm vi quản lý của Tổng cục; thẩm định và công bố tiêu chuẩn cơ sở chuyên ngành.

6. Phê duyệt các dự án điều tra cơ bản, dự án quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch thủy lợi các vùng, liên tỉnh, các hệ thống công trình thủy lợi phục vụ nông nghiệp, phục vụ đa mục tiêu gắn với các ngành kinh tế - xã hội.

7. Về khai thác, sử dụng và bảo vệ công trình thủy lợi, cấp thoát nước, nước sạch nông thôn:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy trình điều tiết nước cho hồ chứa nước thủy lợi thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phương án bảo đảm an toàn hồ chứa; thực hiện khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm, an toàn và có hiệu quả nguồn nước từ các công trình thủy lợi; giải quyết các tranh chấp phát sinh theo quy định của pháp luật;

c) Cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép cho các hoạt động phải có phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, xả nước thải vào hệ thống thủy lợi theo quy định của pháp luật;

d) Chỉ đạo việc lập kế hoạch xây dựng, quản lý khai thác, sử dụng và bảo vệ các công trình cấp, thoát nước nông thôn.

8. Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo thẩm quyền việc đầu tư, xây dựng, tu bổ, nâng cấp, sửa chữa công trình thủy lợi, kiên cố hoá đê điều, cấp thoát nước, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Quản lý và tổ chức thực hiện các dự án theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

9. Về công tác phòng, chống tác hại do nước gây ra:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biện pháp huy động nguồn lực, vật tư, phương tiện để phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, úng, ngập, xâm nhập mặn, sạt lở, ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống thủy lợi; xử lý sự cố công trình thủy lợi;

b) Tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện phòng, chống, khắc phục hậu quả hạn hán, úng ngập, xâm nhập mặn, xử lý sự cố công trình thủy lợi bảo đảm sản xuất, khắc phục hậu quả úng ngập, hạn hán, xâm nhập mặn và giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước trong hệ thống thủy lợi.

10. Về công tác đê điều:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê trong phạm vi cả nước; phê duyệt quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đê điều của các vùng, miền và cả nước;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công bố công khai quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê trong phạm vi cả nước; phê duyệt quy hoạch, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đê điều do bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình;

c) Hướng dẫn trình tự, thủ tục lập quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đê điều;

d) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định chấp thuận việc cấp giấy phép cho những hoạt động đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III và việc xây dựng, cải tạo công trình giao thông có liên quan đến đê điều đối với công trình ảnh hưởng đến hai tỉnh, thành phố trở lên theo quy định của pháp luật;

đ) Quy định về tải trọng cho phép và việc cấp phép đối với xe cơ giới đi trên đê; hướng dẫn việc cấp, thu hồi, gia hạn giấy phép một số hoạt động liên quan tới đê điều theo quy định.

11. Về công tác phòng, tránh giảm nhẹ thiên tai:

a) Tổ chức thực hiện Chiến lược phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai theo quy định của pháp luật và đề xuất điều chỉnh khi cần thiết;

b) Trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện đê hộ đê, khắc phục hậu quả do lũ, lụt, bão gây ra đối với đê điều;

c) Tổ chức theo dõi, cập nhật về tình hình mưa, bão, lũ, tố, lốc, động đất, sóng thần trong cả nước; phối hợp với các ngành, các tổ chức, các địa phương kịp thời đề xuất với Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương phương án xử lý sự cố các công trình thủy lợi và xử lý tình huống, khắc phục hậu quả do các loại hình thiên tai nêu trên gây ra;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện các quy định về tình huống khẩn cấp cần phân lũ, chậm lũ, các biện pháp di dân, bảo đảm sản xuất và đời sống của nhân dân, khắc phục hậu quả ngập lụt, trợ cấp cho nhân dân; biện pháp phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai;

đ) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng, chống lụt, bão, giảm nhẹ thiên tai theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và yêu cầu của Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt, bão Trung ương.

12. Tổ chức chỉ đạo công tác thống kê và quản lý cơ sở dữ liệu về lĩnh vực thủy lợi theo quy định.

13. Tổ chức thực hiện nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về lĩnh vực thủy lợi và công tác khuyến nông trong lĩnh vực thủy nông theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

14. Thực hiện hợp tác quốc tế về thủy lợi theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và theo quy định của pháp luật.

15. Thực hiện cải cách hành chính trong lĩnh vực thủy lợi theo kế hoạch cải cách hành chính của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

16. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế; thực hiện chế độ tiền lương và các chính sách, chế độ đãi ngộ, thi đua, khen thưởng, kỷ luật; bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc Tổng cục; thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng trong Tổng cục; tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của Tổng cục theo quy định của pháp luật và phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

17. Hướng dẫn và kiểm tra đối với hoạt động của các hội và tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực thủy lợi theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và quy định của pháp luật.

18. Kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý các vi phạm trong lĩnh vực thủy lợi.

19. Quản lý tài chính, tài sản được giao và các Quỹ, các nguồn tài chính của quốc tế hỗ trợ cho ngành thủy lợi theo quy định.

20. Thực hiện nhiệm vụ thường trực quốc gia về công tác phòng, chống lụt, bão; Văn phòng chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Văn phòng biến đổi khí hậu; Văn phòng PIM Việt Nam; Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo phân giới cắm mốc theo quy định của pháp luật.

21. Thực hiện nhiệm vụ khác do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính;
2. Vụ Khoa học, Công nghệ và Hợp tác quốc tế;
3. Vụ Quản lý Xây dựng cơ bản;
4. Vụ Quản lý nguồn nước và nước sạch nông thôn;
5. Vụ Quản lý công trình thủy lợi;
6. Cục Quản lý đê điều và Phòng, chống lụt, bão;

7. Văn phòng Tổng cục (có đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh);
8. Thanh tra Tổng cục;
9. Viện Quy hoạch Thủy lợi;
10. Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam;
11. Trung tâm Tư vấn và Chuyển giao công nghệ Thủy lợi;
12. Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai.

Tại Điều này, các tổ chức từ khoản 1 đến khoản 8 là các tổ chức giúp Tổng cục trưởng thực hiện chức năng quản lý nhà nước; các tổ chức từ khoản 9 đến khoản 12 là các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng cục.

Điều 4. Lãnh đạo Tổng cục

1. Tổng cục Thủy lợi có Tổng cục trưởng và không quá 03 Phó Tổng cục trưởng.
2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi do Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Tổng cục.

Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Tổng cục; ban hành Quy chế làm việc của Tổng cục; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức cán bộ, công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý thuộc Tổng cục theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Các Phó Tổng cục trưởng do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Tổng cục trưởng; chịu trách nhiệm trước Tổng cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 3 năm 2010.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy lợi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tổng cục Thủy lợi, Bộ NNPTNT;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV (5b). **290**

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng